

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 430/2023/DS-PT
Ngày: 07/9/2023
“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Kim Oanh;

Ông Nguyễn Chí Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15, ngày 31 tháng 8 năm 2023 và ngày 07/9/2023 tại trụ sở Tòa án
nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
230/2023/TLPT- DS, ngày 18 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án
nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7
năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 119/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8
năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 133/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8
năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cam Thị Bích L (B), sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H (B), sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số A, Tổ F, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Quầy bán gạo số 8, 9 chợ M, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng
Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm
1966 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ F, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023).

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cam Thị Bích L trình bày:

Vào ngày 29/10/2022, bà Nguyễn Thị H cùng chồng là Nguyễn Minh T có đến nhà bà Cam Thị Bích L để mượn của bà L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bà H có xác lập biên nhận mượn nợ cùng ngày, giao bà L. Bà H hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả. Sau đó, bà L có đến nhà tìm gặp bà H nhiều lần để đòi nợ nhưng bà H cố tình không trả.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh T phải trả cho bà L số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tính lãi 1,1%/tháng, thời gian tạm tính lãi từ ngày 29/10/2022 đến tháng 3/2023 là 05 tháng, với số tiền lãi là 5.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 105.500.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu, năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Ngày 04/6/2023, bà L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu ông T liên đới cùng bà H trả số tiền 105.500.000 đồng (vốn và lãi) vì ông T không có ký tên trong biên nhận mượn nợ ngày 29/10/2022, đồng thời ông T đã chết vào ngày 29/4/2023 nên ông T không có liên quan gì trong vụ án này. Bà L chỉ yêu cầu bà H trả cho bà L số tiền vay gốc và lãi là 105.500.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/4/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 29/10/2022, khoảng 13 giờ 00 phút, bà H có đến nhà bà L hỏi vay mượn số tiền 100.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà H và chồng là ông T phải trực tiếp có mặt viết biên nhận nợ, ký tên và ghi đầy đủ họ tên thì bà L mới cho vay và đưa 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, lúc đến nhà bà L thì chỉ có một mình bà H viết biên nhận và ký tên, ghi họ tên vào tờ giấy tập do bà L quản lý. Sau khi bà H viết biên nhận nợ xong thì bà L không đưa 100.000.000 đồng cho bà H. Lý do là chồng bà H không có mặt, không ký tên nên bà L không đưa tiền. Bà L bảo bao giờ có đủ vợ chồng ký đủ họ và tên vào biên nhận thì bà L sẽ đưa tiền.

Sau đó, bà H về nhà có kêu chồng là ông T đến nhà bà L để ký tên và ghi họ tên để bà L giao tiền, nhưng ông T không đồng ý vay, lý do ông T rất ngại việc mượn tiền. Bà H nghĩ rằng ông T không ký tên vào biên nhận thì biên nhận không có giá trị. Không ngờ bà L đem biên nhận đi khởi kiện vợ chồng bà H, ông T: Buộc bà H, ông T trả cho bà L số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi 5.500.000

đồng, tổng vốn và lãi 105.500.000 đồng. Bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Riêng đối với ông T hoàn toàn không biết sự việc, không ký tên vào bên nhận nên không đồng ý yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà L trình bày: Bà L đã giao trực tiếp số tiền 100.000.000 đồng cho bà H tại nhà bà L nên bà H mới đồng ý viết biên nhận nợ thể hiện có mượn tiền của bà L và đưa biên nhận cho bà L giữ. Khi bà L đến đòi tiền thì bà H thách thức không trả nên bà L mới khởi kiện. Bà H trình bày bà L chưa giao 100.000.000 đồng cho bà H là không đúng sự thật.

Ông Nguyễn Hồng T1, đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H chỉ viết biên nhận và ký tên vào biên nhận nhưng bà H chưa nhận tiền. Sau đó bà L giữ luôn biên nhận. Bà H nghĩ rằng nếu chồng bà H không ký tên vào biên nhận và không có nhận tiền thì biên nhận không có giá trị. Suốt thời gian giữ biên nhận bà L không đưa tiền cho bà H, bà H cũng không có đóng lãi cho bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 31/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố C, tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu của bà Cam Thị Bích L.

Buộc chị Nguyễn Thị H trả cho bà Cam Thị Bích L số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2023, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bà H trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn B, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông B còn trình bày: Bà L chưa chứng minh

được việc giao tiền, bản thân ông không thấy được biên nhận nhận nợ, bà L có nhiều đơn kiện vậy thì bà kiện theo đơn nào. Ông không chấp nhận trình bày của người làm chứng, do Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Ông B yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra để làm rõ.

Nguyên đơn, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H. Tuy nhiên, bà L xác định lại: Bà H có gửi người bán vé số gần nhà bà L trả cho bà L số tiền lãi 1.000.000 đồng. Do đó, bà L tự nguyện trừ 1.000.000 đồng vào tiền gốc, chỉ yêu cầu bà H trả 99.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H có cung cấp lời khai của người làm chứng, chứng minh sự việc bà H có gửi tiền cho chị P trả tiền lãi cho bà 1.000.000 đồng, chứng minh bà L có đến chợ M (nơi bà H bán gạo) để đòi nợ, hai bên có lời qua tiếng lại với nhau, bà H nói “giật luôn, không trả”.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị H: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bà H trả cho bà L tiền vốn vay 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1.1] Căn cứ “Biên nhận mượn nợ” ngày 29/10/2022 do nguyên đơn bà L cung cấp (bút lục 28), bà L yêu cầu bà H trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng. Bà H xác nhận: Biên nhận mượn nợ trên là do bà H viết toàn bộ nội dung, ký tên ghi họ, tên, có thể hiện nội dung : “...Nguyễn Minh T và tôi có mượn tiền chị Ba B1 số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu chẵn) vì lý do làm vốn và xoay sở trong gia đình....” Cuối biên nhận có ghi số điện thoại của bà H và ký tên, ghi họ, tên Nguyễn Thị H. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[1.2] Bà H trình bày, sau khi ghi biên nhận giao cho bà L, do ông Nguyễn Minh T (chồng bà H) không có mặt để ký tên nên bà L chưa giao tiền, ông T sợ thiếu nợ không đồng ý vay, nên sau đó bà bỏ qua luôn, không nhận tiền cũng không yêu cầu bà L trả lại biên nhận. Lời trình bày của bà H chỉ một phía, không được bà L thừa nhận. Mặt khác, bà H không có cơ sở chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

[1.3] Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Nghĩa vụ chứng minh:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc.”

[1.4] Như vậy, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trên cơ sở thừa nhận chữ ký của bị đơn, trình bày của nguyên đơn, xác định: giữa bà L với bà H có thỏa thuận hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận lãi suất theo quy định tại Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015. Bà H vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng theo “Biên nhận mượn nợ” ngày 29/10/2022 nhưng chưa trả vốn, chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền lãi. Việc bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả vốn, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn. Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà L đối với biên nhận ngày 29/10/2022, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày có nhận 1.000.000 đồng tiền lãi do bà H gửi cho bà Nguyễn Thị P1 (người bán vé số ở gần nhà bà L) trả cho bà L. Bà đồng ý trừ số tiền này vào tiền vốn, chỉ yêu cầu bà H trả 99.000.000 đồng. Xét thấy, tuy bà H không thừa nhận có gửi tiền cho bà P1 để trả cho bà L. Tuy nhiên, sự thừa nhận tự nguyện của bà L có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.6] Ngoài ra, qua kiểm tra tài liệu, chứng cứ là đơn kiện ban đầu của bà L ngày 07/12/2022 (bút lục 01), bà L trình bày cho bà H mượn 100.000.000 đồng, cách trả là trả góp một ngày 1.200.000 đồng (trong đó tiền vốn là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng); bà H có trả được 20 ngày (từ ngày 29/10/2022 đến 17/11/2022) là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L trình bày, do cho bà H vay tiền nhiều lần, không nhớ rõ, bà nói “ý” nhờ con dâu là chị Nguyễn Thị Mỹ N làm đơn (đánh máy), bà không đọc lại mà đem nộp cho Tòa, sau đó bà đã sửa đổi, bổ sung đơn kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L xác định, không có nhận số tiền 24.000.000 đồng do bà H trả đối với biên nhận ngày 29/10/2002. Số tiền 24.000.000 đồng là bà nhớ nhầm do bà H trả của lần vay khác trước đó.

[1.7] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/8/2023, bà H thừa nhận: Khoảng 3-4 năm trước, bà H cũng có vay tiền của bà L số tiền 100.000.000 đồng, cách trả là góp một ngày 1.200.000 đồng (trong đó: vốn 1.000.000 đồng, lãi 200.000 đồng) nhưng đã trả xong. Lời khai này của bà H, phù hợp trình bày của bà L trong đơn kiện ngày 07/12/2022. Tuy nhiên, bà L xác định, không kiện khoản tiền vay trả góp mà kiện khoản tiền vay theo biên nhận ngày 29/10/2022. Bà H khẳng định không có trả bà L số tiền 24.200.000 đồng của biên nhận ngày 29/10/2022, do bà

H không có vay tiền của bà L, bà H chỉ ghi biên nhận nhưng chưa nhận tiền. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền này vào tiền vốn vay, trên cơ sở có lợi cho bị đơn.

[1.8] Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh kháng cáo là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C xử: Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Cam Thị Bích L số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kháng cáo của bà H là không có căn cứ. Tuy nhiên, do bà L tự nguyện trừ 1.000.000 đồng đã nhận vào tiền gốc, nên ghi nhận sự tự nguyện của bà L, sửa án sơ thẩm.

[1.9] Đối với trình bày của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy: Vụ việc bà L khởi kiện bà H yêu cầu trả tiền vay trên cơ sở tài liệu, chứng cứ là biên nhận mượn nợ được bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết. Bà L không có nghĩa vụ chứng minh việc giao tiền vì bà là người cho vay và là người giữ bản chính biên nhận. Nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này thuộc về bà H, như điều luật viện dẫn và phân tích như trên. Ngoài ra, trong vụ án này, Hội đồng xét xử không lấy lời khai của người làm chứng làm căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mà lời khai của người làm chứng chỉ mang tính chất tham khảo. Do đó, trình bày của ông B không có căn cứ. Việc ông B yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra để làm rõ là không có căn cứ pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.
- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn: Sửa bản án sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Căn cứ Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm đ, Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cam Thị Bích L.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Cam Thị Bích L số tiền vốn vay còn lại là 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H nộp là 300.000 đồng ngày 13/6/2023 theo biên lai số 0012442 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được khấu trừ vào án phí dân sự phúc thẩm. (Bà H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm). Bà H chỉ còn phải nộp 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố C;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C;
- Phòng KTNV-TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Kiều Kim Xuân